

PHỤ LỤC 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ QUANG TRUNG

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH/ NGHỀ QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NĂM 2022**

Gò Vấp, tháng 06 năm 2022

NỘI DUNG CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Nội dung
1	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
2	UBND	Ủy ban Nhân dân
3	TCN	Trung cấp nghề
4	TCDN	Tổng cục dạy nghề
5	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
6	QĐ	Quyết định
7	LĐTBXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
8	KĐCL	Kiểm định chất lượng
9	KĐCLDN	Kiểm định chất lượng dạy nghề
10	PĐT	Phòng Đào tạo
11	CTHS-QHDN	Công tác học sinh và Quan hệ doanh nghiệp
12	TC-KT	Tài chính – kế toán
13	HC-QT	Hành chính – Quản trị
14	BGH	Ban Giám hiệu
15	CNTT	Công nghệ thông tin
16	HS	Học sinh
17	CBQL	Cán bộ quản lý
18	CSGD	Cơ sở giáo dục

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Tên cơ sở GDNN: **TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ QUANG TRUNG**
- Tên Tiếng Anh: Quang Trung Technical College
- Cơ quan chủ quản: UBND Quận Gò Vấp.
- Địa chỉ: 689 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 08.38946097 Số Fax: 028.38958179
- Email: tcqt@govaphcm.gov.vn – quangtrungtech@yahoo.com
- Website: quangtrungtech.edu.vn
- Năm thành lập trường:
- + Năm thành lập đầu tiên: 1986
- + Năm thành lập trường trung cấp nghề/trường Trung cấp nghề: 2007
- Loại hình trường: Công lập; Tư tℓ

1.1. Thông tin khái quát về lịch sử và thành tích nổi bật của trường

Trường Trung cấp nghề Quang Trung tiền thân là Trung tâm Dạy nghề quận Gò Vấp được thành lập vào năm 1986, là cơ sở dạy nghề trực thuộc UBND Quận Gò Vấp, có chức năng dạy nghề ngắn hạn đáp ứng nhu cầu học nghề đa dạng của lực lượng lao động trên địa bàn (Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 17/ 01/ 1986 của UBND quận Gò Vấp).

- Năm 2003, nhằm nâng cấp trình độ đào tạo đáp ứng mục tiêu đào tạo công nhân lành nghề cho xã hội, Trung tâm Dạy nghề quận Gò Vấp được UBND thành phố ra quyết định nâng cấp thành trường Trường Kỹ thuật Công nghệ Quang Trung có nhiệm vụ đào tạo công nhân lành nghề hệ chính quy dài hạn và đào tạo nghề ngắn hạn (Quyết định số 310 /QĐ-UB ngày 24/12/2003 của UBND thành phố).

- Năm 2007, thực hiện theo Luật Dạy nghề, đơn vị lập đề án trình các cấp thẩm quyền xem xét và được UBND thành phố ra quyết định thành lập Trường Trung cấp nghề Quang Trung trên cơ sở nâng cấp Trường Kỹ thuật Công nghệ Quang Trung, trường có chức năng đào tạo nghề theo 2 cấp trình độ là Trung cấp nghề và Sơ cấp nghề (Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 08/ 6/ 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh).

- Trường TCN Quang Trung được UBND thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định công nhận xếp hạng 2 (Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 08/4/2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh).

Thành tích nổi bật trong các năm từ 2016 đến 2020

Trong năm qua nhà trường đạt được một số thành tích như sau:

- Tập thể đơn vị: Tập thể lao động xuất sắc năm 2020, 2021, Bằng khen UBND TP năm 2021.
- Công đoàn cơ sở: Công đoàn cơ sở vững mạnh từ 2016 đến 2021.

- Đoàn thanh niên: Hoàn thành xuất sắc công tác đoàn từ 2016 đến 2021.

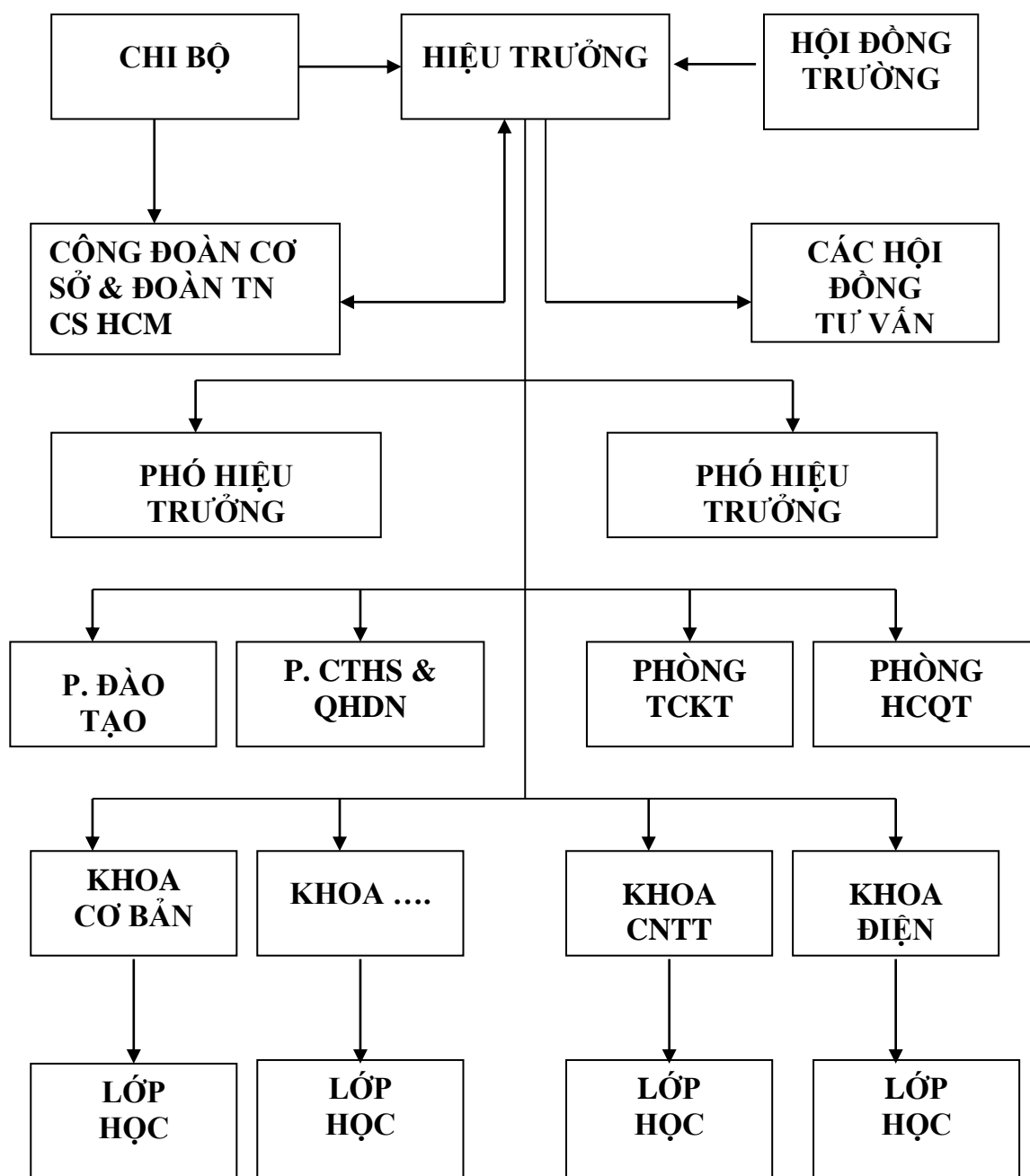
- Có 01 giáo viên đạt chứng nhận giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố; 01 giáo viên được tuyên dương “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”; nhiều giáo viên là Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; 01 giáo viên được Bằng khen của UBND TP; 01 Phó hiệu trưởng được trao giải Võ Trường Toản.

- Trong các kỳ thi tay nghề thợ trẻ giỏi cấp Thành phố, Trường có 01 học sinh đạt giải nhất, 01 học sinh đạt giải ba, 02 học sinh đạt giải khuyến khích.

- Có 17 sáng kiến kinh nghiệm được công nhận trong các năm.

1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

1.2.1. Cơ cấu tổ chức



1.2.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh/ Chức vụ
1. Ban lãnh đạo				
Ban Giám hiệu	Tạ Thị Thu Hồng	1970	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Hà Xây	1966	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Lâm Minh Quang	1972	Kỹ sư	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Chi bộ	Tạ Thị Thu Hồng	1970	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn	Nguyễn Quang Trung	1963	Trung cấp	Chủ tịch Công đoàn
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	1995	Cử nhân	Bí thư Đoàn
3. Phụ trách các phòng chức năng				
Phòng HCQT	Lê Thị Phương Hảo	1975	Cử nhân	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Trần Thu Loan	1966	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng TCKT	Phạm Thị Lệ Trinh	1973	Cử nhân	Trưởng phòng
Phòng CTHS & QHDN	Hà Xây	1966	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng kiêm Trưởng phòng
4. Phụ trách các khoa				
Khoa cơ bản	Lưu Ngọc Thanh	1980	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện	Trần Văn Đước	1964	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa CNTT	Phạm Đắc Hậu	1968	Thạc sĩ	Trưởng khoa

1.2.3. Đội ngũ nhà giáo

Nội dung	Nam	Nữ	Tổng số
1. Tổng số cán bộ, nhà giáo, nhân viên của trường	17	17	34
2. Tổng số nhà giáo cơ hữu theo trình độ đào tạo	12	02	14
- Tiến sĩ và nghiên cứu sinh			
- Thạc sĩ	05	02	07
- Đại học	07	0	07
- Trung cấp			
- Trình độ khác			
3. Tổng số nhà giáo dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số nhà giáo cơ hữu dạy trung cấp nghề của trường	12	02	14
4. Nhà giáo thỉnh giảng	16	19	35

1.3. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo các nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN đã được cấp của Trường

TT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh
	TRUNG CẤP NGHỀ		
1	Điện công nghiệp	5520227	100
2	Điện tử công nghiệp	5520225	50
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	80
4	Kế toán doanh nghiệp	5340302	50
5	Máy thời trang	5540205	50
6	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	5480102	80
7	Quản trị mạng máy tính	5480209	80
8	Thiết kế đồ họa	5480216	50
9	Quản lý và Kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống	5340131	50
10	Công nghệ Ô tô	5510216	50
TỔNG CỘNG			640

Tổng số học sinh trung cấp nhập học và tốt nghiệp trong các năm gần nhất

Năm học	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Ghi chú
2017	173	139	
2018	232	106	
2019	341	119	
2020	418	133	
2021	385	178	
TỔNG CỘNG	1.549	675	

1.4. Cơ sở vật chất, tài chính

1.4.1. Cơ sở vật chất

- Diện tích đất: Tổng diện tích đất 5.237m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 2.738 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 2616 m²

- Diện tích hạng mục và công trình:

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Đã xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Khu hiệu bộ	358	358	
2	Phòng học lý thuyết	928	928	
3	Xưởng thực hành	1720	1720	

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Đã xây dựng (m ²)	Ghi chú
4	Khu phục vụ:			
4.1	Thư viện	77	77	
4.2	Ký túc xá	0	0	
4.3	Nhà ăn	96	96	
4.4	Trạm y tế	24	24	
4.5	Khu thể thao	90	90	
5	Khác (Nhà xe, đường đi, trạm biến áp)	1944	1944	
	Tổng	5.237	5.237	

1.4.2. Tài chính

TT	Năm	Các nguồn thu của trường			Tổng cộng
		Học phí	Ngân sách	Khác	
1	2017	4.190.983.468	6.405.625.000		10.596.608.468
2	2018	3.771.252.942	5.244.257.200		9.015.510.142
3	2019	2.850.000.000	4.751.333.000		7.601.333.000
4	2020	3.244.150.000	2.542.400.000		5.786.550.000
5	2021	6.992.359.173	2.212.117.709		9.204.476.882

2. Thông tin khái quát về Khoa Công nghệ thông tin

Khoa CNTT được thành lập năm 2011 theo Quyết định số 43/QĐ-QT ngày 22/02/2011 về việc thành lập Khoa Công nghệ thông tin.

Khoa CNTT được giao phụ trách 03 nghề đào tạo trung cấp là: Quản trị mạng máy tính, Thiết kế đồ họa và Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính (*Quyết định số 269/QĐ-QT ngày 15/9/2021 về việc giao nhiệm vụ cho khoa Công nghệ thông tin*).

Bên cạnh đó, Khoa CNTT còn đào tạo 15 nghề trình độ sơ cấp nghề và nhiều khóa đào tạo thường xuyên theo giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 49/GCN ĐKHD-SLĐTBOXH ngày 31/7/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 41/GCNĐKBS-SLĐTBOXH ngày 23/8/2019.

Nhân sự cơ hữu thuộc khoa gồm 01 trưởng khoa và 02 giáo viên:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh/ Chức vụ	Biên chế/hợp đồng
1	Phạm Đắc Hậu	1968	Thạc sỹ QLGD	Trưởng khoa	Viên chức
2	Cao Hoàng Khải	1981	Thạc sỹ Khoa Học Máy Tính	Giáo viên	Viên chức
3	Nguyễn Văn Lâm	1983	Thạc sỹ Khoa học máy tính	Giáo viên	Viên chức
4	Trần Bảo Xuyên	1986	CN Công nghệ thông tin	Giáo viên	Viên chức

Tuy số lượng giáo viên cơ hữu ít nhưng giáo viên của khoa đã nỗ lực trong thực hiện nhiệm vụ được giao, khoa CNTT đã đạt thành tích khả quan, cụ thể như sau:

- Tập thể khoa CNTT và toàn thể giáo viên - Hoàn thành tốt nhiệm vụ nhiều năm liền.

- Thầy Nguyễn Văn Lâm - Đạt giải nhì, giáo viên dạy giỏi nghề toàn Tp.HCM năm 2012

- Thầy Cao Hoàng Khải – Chứng nhận giáo viên dạy giỏi nghề toàn Tp.HCM năm 2015.

Thống kê số học sinh theo học nghề Quản trị mạng máy tính trong 05 năm gần đây:

TT	Năm học	Số lượng tuyển sinh trung cấp			Số tốt nghiệp			
		Tổng số	Nghề QTM	tỷ lệ TS	Khóa	Tổng số	Nghề QTM	Tỷ lệ TN
1	2017 - 2018	173	14		2016	110	8	57,14
2	2018 - 2019	232	26		2017	119	10	38,46
3	2019 - 2020	360	31	88,57	2018	133	17	54,84
4	2020 - 2021	414	38	84,44	2019	178	15	39,47
5	2021 - 2022	383	33	82,50	2020	Chưa thi		
	TỔNG CỘNG	1.562	142			540	50	

3. Thông tin về Chương trình đào tạo

Nghề Quản trị mạng máy tính trình độ Trung cấp của trường TCN Quang Trung được lựa chọn nghề trọng điểm cấp Quốc gia (*Danh sách các trường công lập được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm kèm theo Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*).

Chương trình QTMMT đã được xây dựng từ năm 2017 (*Quyết định ban hành chương trình đào tạo TCN: Số 83/QĐ-QT ngày 11/7/2017, của HT Trường TCN Quang*

Trung gồm 7 nghề: 1.ĐCN; 2.ĐTCN;3.KTMK& ĐHKK;4.KTDN; 5. MTT; 6.KTSC LRMT; 7.QTM).

Hàng năm, chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính đều được rà soát, cập nhật, bổ sung cho phù hợp với trình độ phát triển công nghệ, chuẩn đầu ra của CTĐT. Năm 2021, CTĐT nghề QTM máy tính được điều chỉnh lần 2 (*Quyết định 222/QĐ-QT ngày 26 tháng 07 năm 2021 của HT trường TCN Quang Trung về ban hành chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính*).

CTĐT nghề QTM MT hiện có 22 môn học/modul, trong đó có 06 môn học chung theo qui định và 16 môn học/modul cơ sở và chuyên ngành, có 57 tín chỉ, thời lượng chương trình đào tạo là 1.395 giờ (với 397 giờ lý thuyết, 934 giờ thực hành và 64 giờ kiểm tra).

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1 Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

Để thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo Trung cấp Quản trị mạng máy tính, Trường căn cứ vào các công văn chỉ đạo, hướng dẫn như sau:

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN;

- Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo hướng dẫn của Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019;

- Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Trung cấp Quản trị mạng máy tính số 172/ KH QT, ngày 31 tháng 05 năm 2021 của Trường TCN Quang Trung.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng GDNN, nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo nghề hiện tại và đề đăng ký KĐCL CTĐT trình độ Trung cấp đối với cơ quan kiểm định chất lượng. Hoạt động tự đánh giá góp phần nâng cao nhận thức của VC, GV và HS trong Khoa công nghệ thông tin về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT.

Tự đánh giá nhằm xác định mức độ thực hiện như: mục tiêu, chương trình, nội dung giáo trình dạy học, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, công tác giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn và dài hạn, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành trường chất lượng cao.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Căn cứ điều 14 Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH về yêu cầu tự đánh giá, Khoa tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng phải đảm bảo các yêu cầu cụ thể sau:

Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo.

Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

Phân tích, giải thích, so sánh và đưa ra những nhận định; chỉ ra những điểm mạnh, những tồn tại và những biện pháp khắc phục;

Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo;

Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu bộ Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm phục vụ quá trình tự đánh giá.

Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của các đơn vị và tìm những chứng cứ để chứng minh nội hàm tiêu chuẩn.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các thành viên trong trường, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

Mô tả, làm rõ thực trạng của trường, phân tích, đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục, dự kiến kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Công bố báo cáo tự đánh giá và tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của Trường triển khai chương trình đào tạo Trung cấp Quản trị mạng máy tính.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định tại điều 15 của Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy trình tự đánh giá:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính năm 202;

- Xây dựng Kế hoạch tự đánh giá;

- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

- Viết dự thảo Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, gửi các đơn vị trong trường để lấy ý kiến.

- Thư ký Hội đồng tự đánh giá tổng hợp và hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường.

- Công bố Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong nội bộ trường và gửi báo cáo về các đơn vị chủ quản đúng thời hạn quy định.

2 Tự đánh giá

2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá¹

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầu đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC	100	Đạt
	Tổng điểm	100	92
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	14
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử	2	2

	dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	0
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào	2	2

	tạo giao		
4	4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22
	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích	2	2

	cực.		
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	0
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy	2	2
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo;	2	2

	quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.		
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	14
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2

	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	0
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1 Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu

- Chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, quy định, phân bổ được thời gian đào tạo, số môn học, các tín chỉ...

- Các ngành nghề thuộc khoa CNTT nói chung và nghề Quản trị mạng máy tính là một trong số các ngành nghề có nhu cầu cao trong xã hội để hội nhập kinh tế, quốc tế. Đối với nghề này, ngoài trang thiết bị ban đầu phục vụ giảng dạy, vật tư thiết bị phục vụ giảng dạy không nhiều; Trường có đủ nguồn kinh phí phục vụ giảng dạy theo chương trình đào tạo đã xây dựng.

- Nghề Quản trị mạng máy tính là một trong những nghề được chọn xây dựng nghề trọng điểm của nhà trường.

** Những điểm mạnh*

- Mục tiêu chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính rõ ràng, cụ thể bao quát được toàn bộ các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao giúp cho HS có được tay nghề vững sau khi ra trường, đáp ứng được nhu cầu người lao động.

Chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính có mục tiêu phù hợp mục tiêu của nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh đúng quy định.

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo từng nghề, Khoa Công nghệ thông tin (CNTT) căn cứ vào Kế hoạch đào tạo của trường triển khai thực hiện chương trình đào tạo; Khoa CNTT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Hàng năm, Trường thực hiện nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

* *Những tồn tại:* Không

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Tiếp tục rà soát mục tiêu chương trình đào tạo, cập nhật bổ sung hàng năm để theo kịp trình độ phát triển khoa học công nghệ và đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bố trí đủ nguồn kinh phí để bổ sung trang thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy và học tập của học sinh.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6 điểm
Tiêu chuẩn 1	2 điểm
Tiêu chuẩn 2	2 điểm
Tiêu chuẩn 3	2 điểm

Tiêu chuẩn 1.1:

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.2.

Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; Khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 1.3.

Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.3: 2 điểm

Tiêu chí 2. Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu

Hoạt động dạy và học được xác định là công tác trọng tâm của nhà trường và Khoa CNTT. Việc nâng cao chất lượng đào tạo, đa dạng hóa loại hình đào tạo và ngành nghề

đào tạo luôn được khoa quan tâm nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, phù hợp với nguyện vọng của người học, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội nói chung, của nghề Quản trị mạng máy tính nói riêng. Quan điểm đào tạo lấy người học làm trung tâm trong hoạt động đào tạo của khoa, điều này được thể hiện qua việc thực hiện nghiêm túc hoạt động tuyển sinh, tổ chức đào tạo, điều chỉnh nội dung chương trình, áp dụng các biện pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp với từng môn học/mô-đun, lắng nghe ý kiến phản hồi của người học, doanh nghiệp và các đối tượng khác có liên quan đến quá trình tổ chức dạy và học của khoa.

** Những điểm mạnh*

- Chương trình đào tạo Quản trị mạng máy tính phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu của doanh nghiệp; Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học;

- Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả từ khâu tuyển sinh, khâu tổ chức đào tạo, kiểm tra giám sát hoạt động đào tạo đến việc tổ chức thi kiểm tra và cấp bằng tốt nghiệp cho người học.

- 100% học sinh theo học nghề Quản trị mạng máy tính đều được thực tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp và được các đơn vị tiếp nhận đánh giá cao.

** Những tồn tại:*

Chưa xây dựng chương trình liên thông cao đẳng nghề Quản trị mạng máy tính và chưa tổ chức lớp Cao đẳng liên thông nghề Quản trị mạng máy tính.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Hoàn chỉnh việc xây dựng chương trình liên thông Quản trị mạng máy tính; đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền để thu hút HS.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	12
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0

Tiêu chuẩn 2.1. Hằng năm, Cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2.

Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3.

Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.4.

Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.5.

Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6.

Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.7.

Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7: 0 điểm

Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

Trường có đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động phục vụ đào tạo nghề Quản trị mạng MT có trình độ đạt chuẩn theo yêu cầu. Hằng năm, nhà

trường đều có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho VC-NLĐ để xây dựng đội ngũ nhà giáo và nhân viên đáp ứng yêu cầu phục vụ giảng dạy ngày càng cao của xã hội.

** Những điểm mạnh:*

- Trường có đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn tương đối về chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính

- 100% giáo viên chuyên ngành Quản trị mạng máy tính của Trường dạy được cả lý thuyết lẫn thực hành;

- 100% nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà trường giao.

- Nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

- Hằng năm, Nhà trường tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng và thực tập tại các doanh nghiệp.

** Những điểm tồn tại:* Giáo viên dạy nghề Quản trị mạng máy tính chưa đi thực tập nghề nghiệp năm 2021 do tình hình dịch bệnh Covid kéo dài.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục tạo điều kiện về thời gian cho giáo viên thực tập tại doanh nghiệp hoặc các đơn vị chuyên môn theo qui định.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	0
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 3.1.

100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.2.

Hằng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.3.

Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.4.

Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.5.

Hàng năm, Cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.6.

100% nhà giáo cơ hữu được cử đi thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.6: 0 điểm

Tiêu chuẩn 3.7.

100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.8.

Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.8: 2 điểm

Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4

Căn cứ hướng dẫn của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐ ban hành ngày 1/3/2017 và Thông tư 12/2017/TT-BLĐTĐ ban hành ngày 20/4/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường đã xây dựng và ban hành bộ CTĐT các nghề kèm chương trình chi tiết.

Thực hiện theo hướng dẫn thông tư 28/2017/TT-BLĐT BXH, Trường đã xây dựng và ban hành Quy trình xây dựng điều chỉnh CTĐT và thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung định kỳ theo qui định.

Trường cũng đã tập trung biên soạn đầy đủ các giáo trình cho các môn học/mô đun trong CTĐT nghề QTMMT và trang bị lượng sách tham khảo, tài liệu học tập để phục vụ việc nghiên cứu cũng như học tập của giáo viên và học sinh.

** Những điểm mạnh:*

CTĐT nghề Quản trị mạng máy tính trình độ trung cấp của trường được xây dựng, điều chỉnh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

CTĐT được xây dựng theo hướng tăng năng lực thực hiện người học. Hằng năm chương trình, giáo trình đào tạo sẽ được rà soát và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường lao động, góp ý của đại diện Doanh nghiệp cũng như điều kiện cụ thể của trường.

CTĐT có quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng và phương pháp thực hiện đánh giá người học một cách cụ thể và chính xác nhất.

Mỗi mô-đun, môn học của CTĐT đều có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo.

Trường có tổ chức rà soát, biên soạn lại giáo trình giảng dạy, đảm bảo tài liệu tham khảo cho các nghề đào tạo.

** Những tồn tại:* Không có

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Tiếp tục xây dựng các CTĐT mới đang có nhu cầu đào tạo và đăng ký hoạt động GDNN; tiếp tục biên soạn các giáo trình học tập mới, rà soát bổ sung các giáo trình hiện đang sử dụng để theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ và những đổi mới trong CTĐT.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2

Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 4.1.

CTĐT được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2.

Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định CTĐT.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3.

CTĐT thể hiện được khối lượng **kiến thức tối thiểu**, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4.

CTĐT thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5.

CTĐT thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ Giáo viên để triển khai thực hiện CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6.

CTĐT thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của CTĐT.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7.

CTĐT đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.8.

CTĐT đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.8: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.9.

Có đủ giáo trình cho các môn-đơn, môn học của CTĐT.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.9: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 4.10.

100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.10: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.11.

Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong CTĐT; Nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.11: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.12.

Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.12: 2 điểm

Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

Trường Trung cấp nghề Quang Trung được thành lập từ năm 2007, được đầu tư nâng cấp từ năm 2019; qua 15 năm hình thành và phát triển, Trường đã có những thế mạnh và những hạn chế sau:

Tổng diện tích của toàn Trường là 5.237 m²:

Trong đó:

Khu hiệu bộ : 358 m².

Phòng học lý thuyết : 928 m²

Phòng học thực hành : 1.720 m².

Khu phục vụ : Thư viện, hội trường, thể thao, nhà ăn, y tế: 287m²

Các hạng mục khác : Nhà xe, trạm biến điện, sân bãi, cây xanh là 1.944 m²

**Những điểm mạnh:*

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo chính đáp ứng đủ theo quy mô, yêu cầu đào tạo.

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

**Những tồn tại:*

Do nhân sự ít, nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý trang thiết bị, nguyên vật liệu của khoa CNTT thường xuyên thay đổi nên việc quản lý, bố trí, bảo trì, bảo dưỡng chưa đúng và đủ theo quy định.

**Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục cố gắng và tăng cường nhân sự cho công tác quản lý trang thiết bị, công cụ, dụng cụ và nguyên vật liệu tại khoa CNTT; có kế hoạch sắp xếp bố trí trang thiết bị ngăn nắp, khoa học hơn để đảm bảo phục vụ tốt hoạt động giảng dạy.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	0
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 5.1.

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.2.

Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. (năm 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.3.

Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo chính đáp ứng đủ theo quy mô, yêu cầu đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.4.

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.5.

Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.5: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 5.6.

Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.6: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.7.

Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.7: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.8.

Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.8: 2 điểm.

Tiêu chí 6 - Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quan tiêu chí 6

Đối tượng học sinh của trường hầu hết là học sinh tốt nghiệp THCS đi học nghề, lứa tuổi từ 15 đến 18 tuổi; nhà trường luôn đặt vấn đề giáo dục đạo đức, tác phong của học sinh lên hàng đầu.

Việc phổ biến các quy định, quy chế đào tạo, đánh giá rèn luyện...được tập trung ngay trong tuần lễ sinh hoạt chính trị đầu khóa và thường xuyên được nhắc nhở trong các buổi sinh hoạt dưới cờ và sinh hoạt của GVCN.

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người học theo qui định. Bên cạnh đó, quỹ học bổng của nhà trường hàng năm đều có những phần cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.

Bên cạnh việc học tập, Trường xây dựng các câu lạc bộ văn nghệ, thể dục thể thao; tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng; tổ chức các hoạt động phong trào nhân các ngày lễ lớn...nhằm tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người học.

**** Những điểm mạnh:***

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; Cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời với người học trong quá trình học tập.

Hàng năm, Cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

**** Những tồn tại:*** Không có

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:.*

Nhà trường tiếp tục xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh, hoạt động tư vấn việc làm, Kế hoạch tổ chức tư vấn và định hướng nghề nghiệp... nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho học sinh.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 6.1.

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6.2.

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; Cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời với người học trong quá trình học tập.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6.3.

Hàng năm, Cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6.4.

Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.4: 2 điểm.

Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7

Giám sát và đánh giá chất lượng là một trong những công việc quan trọng để khoa có cơ hội nhìn lại, đánh giá lại chất lượng đào tạo nghề mà khoa phụ trách. Vì vậy, Hằng năm khoa đều tự chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai một cách triệt để để đánh giá và đánh giá chất lượng.

** Những điểm mạnh :*

Hằng năm, Trường thu thập ý kiến trên 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Cơ sở thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Hằng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

** Tồn tại:*

Trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo chưa đạt 80%.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tập trung nhiều hơn trong việc điều tra lần vết người học sau khi tốt nghiệp; có Kế hoạch liên kết với doanh nghiệp đúng ngành nghề đào tạo để giới thiệu việc làm cho học sinh hoặc đào tạo theo địa chỉ để nâng cao tỷ lệ học sinh có việc làm đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	14

Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 7.1.

Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7.2.

Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7.3.

Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7.4.

Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7.6.

Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.6: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 7.7.

Trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.7: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7.8.

Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.8: 2 điểm

PHẦN III: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị phù hợp với công nghệ từ các nguồn dự án, chương trình mục tiêu hằng năm; Tổ chức quản lý việc cấp phát nguyên vật liệu, vật tư thực hành cho Khoa, cho các lớp học chặt chẽ hơn, đảm bảo đáp ứng kịp thời, đầy đủ số lượng, chất lượng để đảm bảo hiệu quả hoạt động giảng dạy.

2. Lập kế hoạch tuyển dụng viên chức, bồi dưỡng Cán bộ quản lý khoa, giáo viên về công tác bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo tại khoa nhằm xây dựng nguồn nhân sự đủ về số lượng, mạnh về chất lượng cho khoa CNTT để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo; tạo điều kiện về thời gian và kinh phí để giáo viên tham gia bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định.

3. Nhà trường tiếp tục xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh, hoạt động tư vấn việc làm, lập Kế hoạch tổ chức tư vấn và định hướng nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho học sinh; thực hiện truy vết học sinh sau tốt nghiệp trung cấp; hỗ trợ giới thiệu việc làm cho học sinh sau tốt nghiệp đảm bảo 80% người học có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo trong vòng 6 tháng kể từ thời điểm tốt nghiệp.

4. Tăng cường mối quan hệ với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình đào tạo, phối hợp đào tạo trong doanh nghiệp, hướng dẫn kiến tập đối với giáo viên, thực tập tốt nghiệp đối với học sinh nhằm đào tạo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

5. Tập trung xây dựng chương trình đào tạo cao đẳng liên thông, tuyển sinh đào tạo cao đẳng liên thông nhằm tạo điều kiện cho học sinh tiếp tục học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp trung cấp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Đề xuất

Trong quá trình tự đánh giá chất lượng dạy nghề năm 2021; Hội đồng ĐGCL CTĐT nghề Quản trị mạng máy tính năm 2021 của Trường TCN Quang Trung đã tuân thủ theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá khi triển khai tự đánh giá thực hiện theo thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017; Quy trình tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công văn số 454/TCDN-KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019 của Tổng cục GDNN - KĐCL về việc hướng dẫn thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng kèm theo mẫu báo cáo tự đánh giá chất lượng.

Khoa công nghệ thông tin trường TCN Quang Trung luôn xác định công tác tự đánh giá là quá trình, là nhiệm vụ thường xuyên để nâng cao chất lượng dạy và học chứ không phải là đích đến. Mỗi học kỳ, mỗi năm học đều phải căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn để tự đánh, rà soát các hoạt động dạy học ở Khoa. Từ đó, đánh giá những mặt mạnh và những tồn tại, qua đó từng bước khắc phục và phát huy những ưu thế của Khoa, phát huy hết khả năng tập hợp các nhà giáo ưu tú. Xem công tác tự đánh giá là một yếu tố không thể thiếu được trong sự phát triển của nhà trường nói chung và của Khoa CNTT.

II. Kiến nghị

1. Đề xuất, kiến nghị liên quan đến hoàn thiện bộ dự thảo tiêu chí
Không có
2. Đề xuất, kiến nghị khác
Không có.

Gò Vấp, ngày 10 tháng 05 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Tạ Thị Thu Hồng